

Students' Perceptions of Pedagogical Training Problem at Ho Chi Minh City University of Technology and Education

Dang Thi Dieu Hien*, Bui Thi Bich, Nguyen Nhu Khuong

Ho Chi Minh City University of Technology and Education, Vietnam

Corresponding author. Email: hiendtd@hcmute.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: 05/02/2023
Revised: 14/02/2023
Accepted: 20/02/2023
Published: 28/02/2023

KEYWORDS

Pedagogy;
Technical pedagogy;
Pedagogical training;
Student's perception;
Pedagogy training at HCMUTE.

ABSTRACT

Technical pedagogy programme in training curriculum of Ho Chi Minh City University of Technology and Education (HCMUTE) had been trained since its establishment. However, in recent years, by many reasons, this programme has been stopped training for formal students. With the desire to find out HCMUTE students' perspectives on technical pedagogical training in the university, the research was conducted to clarify five main contents related to technical pedagogy, including: (1) Students' perception of pedagogical training issues in the university; (2) The necessity of the pedagogical field at work as well as life in the future, the student's passion and desire for job opportunities related to pedagogy; (3) The students' willingness to study pedagogy; (4) The difference between in students' pedagogical passion as well as willingness to study pedagogy programmes with the school years and training systems; (5) The difference between the students' pedagogical passion with willingness to study pedagogy programmes, desire for job opportunities related to pedagogy to propose the future direction for pedagogy field at the University. The results of the analysis data that collected from 1,601 students who is studying at the university indicate that there is a difference in the selection rate at different levels with the content of the research, but there is no difference between the pedagogy passion, willingness to study pedagogy programmes with the school years and training systems. There are about 30% to 50% of students ready to study pedagogy, especially a group of students who are passionate about pedagogy. Furthermore, the study also proposes some recommendations to find out suitable solutions in training the technical pedagogy field at the University in the future.

Quan Điểm Của Sinh Viên Về Vấn Đề Đào Tạo Sư Phạm Tại Trường Đại Học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh

Đặng Thị Diệu Hiền*, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khuong

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

*Tác giả liên hệ. Email: hiendtd@hcmute.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận bài: 05/02/2023
Ngày hoàn thiện: 14/02/2023
Ngày chấp nhận đăng: 20/02/2023
Ngày đăng: 28/02/2023

TỪ KHÓA

Sư phạm;
Sư phạm kỹ thuật;
Đào tạo sư phạm;
Quan điểm sinh viên;
Đào tạo sư phạm tại HCMUTE.

TÓM TẮT

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh với truyền thống đào tạo về lĩnh vực sư phạm kỹ thuật từ khi thành lập trường. Tuy nhiên, những năm gần đây vì nhiều nguyên nhân mà các chương trình sư phạm kỹ thuật tạm dừng đào tạo sinh viên chính quy. Với mong muốn tìm hiểu quan điểm của sinh viên về lĩnh vực đào tạo sư phạm trong trường, nghiên cứu này được thiết lập nhằm làm rõ về 5 nội dung chính liên quan đến sư phạm gồm: (1) Nhận thức của sinh viên về vấn đề đào tạo sư phạm trong Nhà trường; (2) Sự cần thiết của lĩnh vực sư phạm trong công việc và cuộc sống trong tương lai, đam mê và mong muốn cơ hội việc làm liên quan đến sư phạm của sinh viên; (3) Sự sẵn sàng học sư phạm của sinh viên; (4) Sự khác biệt về đam mê về sư phạm, nhu cầu học sư phạm qua các năm học, hệ đào tạo; (5) Sự khác biệt giữa sự đam mê về sư phạm với sự sẵn sàng học sư phạm trong các chương trình sư phạm, mong muốn cơ hội làm việc có liên

quan đến sự phạm từ đó đề xuất xây dựng hướng đi tiếp theo về việc đào tạo lĩnh vực sư phạm kỹ thuật tại trường. Kết quả phân tích ý kiến khảo sát từ 1.601 sinh viên đang học tại trường cho thấy, có sự khác biệt về tỉ lệ lựa chọn ở các mức độ với những nội dung nghiên cứu, song không có sự khác biệt giữa sự khác biệt về đam mê về sư phạm, nhu cầu học sư phạm qua các năm học, hệ đào tạo. Có khoảng từ 30% đến 50% sinh viên sẵn sàng học sư phạm đặc biệt là nhóm sinh viên có đam mê về sư phạm. Ngoài ra, nghiên cứu cũng đề xuất một số khuyến nghị để chọn hướng đi phù hợp hơn về lĩnh vực sư phạm kỹ thuật của Nhà trường trong thời gian tới.

Doi: <https://doi.org/10.54644/jte.75B.2023.1339>

Copyright © JTE. This is an open access article distributed under the terms and conditions of the [Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc/4.0/) which permits unrestricted use, distribution, and reproduction in any medium for non-commercial purpose, provided the original work is properly cited.

1. Giới thiệu

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (ĐH SPKT TP HCM) đã trải qua 60 năm hình thành và phát triển. Tiền thân của Trường là Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật được thành lập ngày 05.10.1962. Từ khi Ban Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật được thành lập đến khi mang tên ĐH SPKT TP HCM như ngày nay. Theo dòng lịch sử, trường đã trải qua một số lần đổi tên sau: Trung tâm Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Nguyễn Trường Tộ Thủ Đức (1972); Đại học Giáo dục Thủ Đức thuộc Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức (1974); Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thủ Đức (ngày 27.10.1976); Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh sau khi sáp nhập thêm trường Trung học Công nghiệp Thủ Đức (1984); là thành viên không chính thức của Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh (1995); năm 2000 tách khỏi Đại học Quốc gia tên trường được khôi phục là Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh. [1], [2] Mặc dù qua nhiều lần đổi tên nhưng tất cả tên trường của các thời kỳ đều thể hiện việc đào tạo sư phạm luôn song hành với đào tạo về kỹ thuật. Trong quá trình phát triển đã có những thay đổi về đào tạo sư phạm phù hợp với hoàn cảnh, song Trường đều đảm nhận nhiệm vụ Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giáo viên kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo song song với việc đào tạo những kỹ sư am hiểu về sư phạm. Việc tất cả sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy có chứng chỉ sư phạm bên cạnh bằng kỹ sư kéo dài đến hết khóa 2007. Từ khóa 2008 đến khóa 2017 việc đào tạo sư phạm cho sinh viên có sự thu hẹp chỉ những sinh viên đăng ký học sư phạm thì mới được đào tạo, với chỉ tiêu khoảng 300 đến 500 sinh viên mỗi năm, trong giai đoạn này sinh viên học chương trình sư phạm được miễn học phí. Từ năm 2018 đến nay Nhà trường dừng tuyển sinh các ngành đào tạo đại học lĩnh vực sư phạm kỹ thuật vì nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó nguyên nhân chính là do không có mã ngành đào tạo cấp 4. Việc không có mã ngành này không chỉ ảnh hưởng đến việc đào tạo về sư phạm tại trường ĐH SPKT TP HCM mà còn ảnh hưởng đến việc đào tạo các ngành liên quan đến sư phạm của các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật khác trên cả nước.

Tuy nhiên, việc không tiếp tục đào tạo các ngành sư phạm kỹ thuật cho sinh viên chính quy tại trường là vì lí do cốt lõi nào? Lí do khách quan như sinh viên không có nhu cầu học, do thị trường lao động không cần nữa, do kinh phí đào tạo, chính sách Nhà nước thay đổi hay vì những lí do chủ quan và khách quan khác cần được nghiên cứu làm rõ. Trong các lí do trên, lí do về nhu cầu, mong muốn hay sự sẵn sàng học sư phạm của sinh viên đóng một vai trò rất lớn đến việc quyết định lĩnh vực sư phạm có nên tiếp tục được đào tạo tại trường ĐH SPKT TP HCM nói riêng và các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật khác nói chung nữa hay không. Với mong muốn trả lời câu hỏi nghiên cứu chính “liệu sinh viên đang học tại trường ĐH SPKT TP HCM thực sự có mong muốn học sư phạm hay không?” rất cần được nghiên cứu làm rõ. Để tìm hiểu về vấn đề này, nhóm nghiên cứu dựa trên lý thuyết về hành vi dự định (Theory of Planned Behavior) của Ajzen tiến hành thiết lập các câu hỏi và khảo sát sinh viên đang học tại trường ĐH SPKT TP HCM. Trong khuôn khổ bài viết này, nhóm nghiên cứu trình bày về nội dung khảo sát, phương pháp nghiên cứu và kết quả phân tích về quan điểm của sinh viên liên quan đến vấn đề sư phạm như nhận thức của sinh viên về vấn đề đào tạo sư phạm tại trường, sự cần thiết của sư phạm trong công việc tương lai của sinh viên, mong muốn hay nhu cầu sẵn sàng học sư phạm của sinh viên, sự khác biệt về nhu cầu học sư phạm qua các năm học, ngành học, sự khác biệt giữa nhóm sinh viên có đam mê hay không đam mê về sư phạm với những dự định trong tương lai liên quan đến sư phạm để đề xuất hướng

đi tiếp theo về việc đào tạo lĩnh vực sư phạm tại trường ĐH SPKT TP HCM nói riêng và các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật khác trên cả nước nói chung.

2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu

2.1. Nội dung nghiên cứu quan điểm của sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề sư phạm

Nghiên cứu quan điểm của sinh viên trường ĐHSPTK TP HCM về vấn đề sư phạm để từ đó dự đoán hành vi lựa chọn của sinh viên dựa trên lý thuyết về hành vi dự định của Ajzen [3]. Lý thuyết hành vi dự định được phát triển và cải tiến từ Lý thuyết hành động hợp lý (Theory of Reasoned Action – TRA) của Ajzen & Fishbein [4]. Theo thuyết này, 3 yếu tố có ảnh hưởng đến ý định thực hiện hành vi của con người gồm:

- *Thái độ đối với hành vi*: là mức độ đánh giá tích cực hay tiêu cực của một cá nhân đối với việc thực hiện một hành vi. Thái độ thường được hình thành bởi nhận thức, niềm tin, mong muốn của cá nhân về hậu quả cũng như kết quả của việc tham gia thực hiện một hành vi.
- *Chuẩn mực chủ quan*: là áp lực xã hội lên cá nhân dẫn đến thực hiện hành vi. Chuẩn mực chủ quan đến từ kỳ vọng của những người khác (người thân, bạn bè ...), môi trường cuộc sống, môi trường công việc... đối với một cá nhân trong việc tuân thủ một số các chuẩn mực cũng như động cơ của cá nhân trong việc tuân thủ các chuẩn mực đó để đáp ứng mong đợi của những người xung quanh.
- *Nhận thức kiểm soát hành vi*: là nhận thức của một cá nhân về sự dễ dàng hoặc khó khăn trong việc thực hiện hành vi cụ thể; điều này phụ thuộc vào sự sẵn có của các nguồn lực và các cơ hội, mong muốn, sự sẵn sàng để thực hiện hành vi.[5]

Vận dụng quan điểm của lý thuyết hành vi dự định kết hợp với mục đích tìm hiểu, nghiên cứu quan điểm của sinh viên về vấn đề sư phạm, nhóm nghiên cứu đề xuất 5 nội dung cần làm rõ quan điểm của sinh viên, gồm:

- Thái độ đối với hành vi cụ thể nghiên cứu khai thác nhận thức về lĩnh vực sư phạm trước khi đăng ký học và khi quyết định học tại trường ĐH SPKT TP HCM của sinh viên.
- Chuẩn mực chủ quan tập trung nghiên cứu về động cơ bên trong cá nhân của sinh viên thể hiện cụ thể qua quan điểm sự cần thiết của sư phạm đối với cuộc sống và công việc, đam mê sư phạm, mong muốn về cơ hội việc làm có liên quan đến sư phạm.
- Nhận thức kiểm soát hành vi nghiên cứu giới hạn nội dung liên quan đến sự sẵn sàng của sinh viên về việc các chương trình có liên quan đến sư phạm.
- Liệu có sự khác biệt giữa thời gian sinh viên học, hệ đào tạo, sự đam mê về nghề sư phạm với sự sẵn sàng học sư phạm và đam mê học sư phạm của sinh viên hay không.
- Liệu có sự khác biệt giữa sự đam mê về sư phạm với sự sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy, sự sẵn sàng học sư phạm theo chương trình bồi dưỡng, có mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục, có mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường hay không.

Nội dung 1, 2, 3 được cụ thể hóa thông qua các câu hỏi và thang đo tương ứng theo Bảng 1.

Bảng 1. Nội dung tìm hiểu quan điểm của sinh viên liên quan đến vấn đề sư phạm

Nội dung	Câu hỏi	Thang đo
1. Nhận thức về lĩnh vực sư phạm trước khi đăng ký và khi quyết định học tại trường ĐH SPKT của sinh viên	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi học tại trường, bạn nghĩ: các môn học về sư phạm là một phần chính thức trong chương trình đào tạo - Trước khi học tại trường, bạn nghĩ: Nhà trường sẽ có ngành đào tạo liên quan đến sư phạm bên cạnh các ngành kỹ thuật - Trước khi học tại trường, bạn nghĩ: Tốt nghiệp được cấp chứng chỉ về sư phạm và bằng tốt nghiệp theo chuyên ngành - Tôi chọn trường ĐH SPKT TP HCM vì nghĩ rằng tốt nghiệp trường ĐHSPTK TP HCM có thêm cơ hội đi dạy 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng ý - Không đồng ý

<p>2. Quan điểm sự cần thiết, đam mê sự phạm, mong muốn về cơ hội việc làm có liên quan đến sự phạm</p>	<p>- Lĩnh vực sự phạm cần thiết đối với công việc và cuộc sống của bạn - Bản thân có đam mê về lĩnh vực sự phạm, giáo dục - Bạn có mong muốn sau khi ra trường đi dạy tại các cơ sở giáo dục - Bạn có mong muốn sau khi ra trường làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp</p>	<p>- Hoàn toàn không đồng ý - Không đồng ý - Phân vân - Đồng ý - Hoàn toàn đồng ý</p>
<p>3. Sự sẵn sàng của sinh viên về việc học các chương trình có liên quan đến sự phạm</p>	<p>- Bạn sẵn sàng học tại ĐH SPKT TPHCM nếu trong chương trình đào tạo chính quy có khoảng 25 tín chỉ về sự phạm - Bạn có sẵn sàng tham gia khóa bồi dưỡng sự phạm (khoảng 25 tín chỉ, ngoài chương trình chính quy) với chi phí và thời gian phù hợp - Bạn sẵn sàng học một số môn về sự phạm bên cạnh chuyên ngành (không cấp chứng chỉ về sự phạm)</p>	<p>- Hoàn toàn không đồng ý - Không đồng ý - Phân vân - Đồng ý - Hoàn toàn đồng ý</p>

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu sử dụng chủ yếu sử dụng để tìm hiểu quan điểm sinh viên về vấn đề đào tạo sự phạm gồm phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi và phương pháp thống kê và xử lý số liệu.

- *Phương pháp điều tra:* Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi theo hình thức Google Form được sử dụng để thu thập thông tin nghiên cứu theo nội dung Bảng 1. Ngoài ra, bảng hỏi còn có các câu hỏi liên quan đến nhân khẩu học và thông tin học tập như giới tính, năm học, hệ đào tạo. Sau khi thiết kế phiếu điều tra, tiến hành lấy ý kiến nhận xét từ các giảng viên để điều chỉnh. Phiếu điều tra hoàn chỉnh được gửi qua Email cho sinh viên toàn trường trong thời gian 3 ngày từ 22 đến 24 tháng 8 năm 2022. Kết quả có 1608 sinh viên trả lời trong đó có 1601 trả lời đạt yêu cầu.
- *Phương pháp thống kê và xử lý số liệu:* Số liệu sau khi thu thập được kiểm tra về độ tin cậy thông tin, mã hóa và xử lý số liệu bằng phần mềm Excel và SPSS. Dữ liệu mã hóa được xử lý các thông số cơ bản như tần số, tỉ lệ để đánh giá thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Ngoài ra, phân tích sự khác biệt ANOVA cũng được sử dụng để tìm ra liệu có sự khác biệt giữa năm học, hệ đào tạo với sự sẵn sàng học sự phạm và đam mê học sự phạm của sinh viên hay không.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kết quả nghiên cứu

3.1.1. Thông tin mẫu nghiên cứu

Trong số 1601 trả lời đạt yêu cầu của sinh viên đang học tại trường tham gia nghiên cứu được phân bố theo hệ đào tạo, giới tính và năm học như Bảng 2.

Bảng 2. Thông tin mẫu nghiên cứu

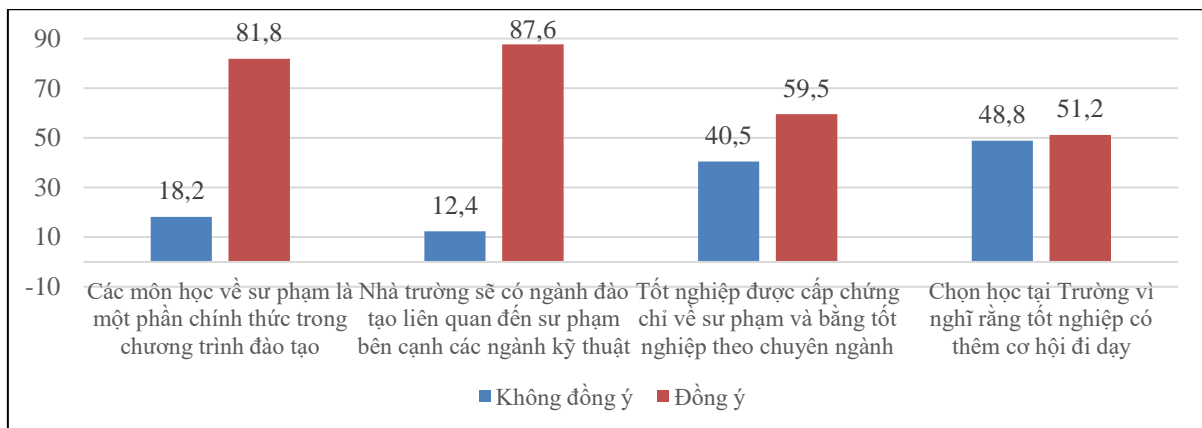
Biến tổng	Chi tiết biến	Tần số	Tỉ lệ (%)	Biến tổng	Chi tiết biến	Tần số	Tỉ lệ (%)
Hệ đào tạo	Đại trà	864	54.0	Sinh viên năm thứ	Năm nhất	688	43.0
	Chất lượng cao	700	43.7		Năm 2	393	24.5
	Quốc tế	37	2.3		Năm 3	396	24.7
Giới tính	Nam	1181	73.8		Năm 4	124	7.7
	Nữ	420	26.2		Năm 4 trở lên	688	43.0
Tổng		1601	100%	Tổng		1601	100%

3.1.2. Kết quả nghiên cứu về quan điểm của sinh viên trường ĐH SPKT TP HCM về vấn đề sự phạm

Kết quả nghiên cứu quan điểm của của sinh viên trường ĐH SPKT TP HCM về vấn đề sự phạm tập trung phân tích 5 nội dung chính sau:

- Nhận thức về lĩnh vực sư phạm trước khi đăng ký và khi quyết định học tại trường ĐH SPKT của sinh viên.
- Quan điểm về sự cần thiết của sư phạm, đam mê sư phạm, mong muốn về chương trình đào tạo và cơ hội việc làm có liên quan đến sư phạm.
- Sự sẵn sàng học chương trình sư phạm hoặc các nội dung liên quan đến sư phạm của sinh viên.
- Sự khác biệt giữa thời gian sinh viên học, hệ đào tạo với sự sẵn sàng học sư phạm và đam mê học sư phạm của sinh viên.
- Sự khác biệt giữa sự đam mê về sư phạm với sự sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy, sự sẵn sàng học sư phạm theo chương trình bồi dưỡng, có mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục, có mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường

Thứ 1: Nhận thức về lĩnh vực sư phạm trước khi đăng ký và khi quyết định học tại trường ĐH SPKT TP HCM của sinh viên



Hình 1. Tỷ lệ sinh viên nhận thức về lĩnh vực sư phạm trước khi đăng ký và khi quyết định học tại trường ĐH SPKT TP HCM

Kết quả thống kê Hình 1. cho thấy, tỷ lệ sinh viên trước khi học tại trường nghĩ rằng các môn học về sư phạm là một phần chính thức trong chương trình đào tạo hoặc trường sẽ có những ngành đào tạo liên quan đến kỹ thuật ở mức độ khá cao lần lượt là 81.8% và 87.6%. Kết quả này phản ánh việc có nội dung liên quan đến đào tạo sư phạm tại trường ĐH SPKT TP HCM vẫn còn trong tư tưởng của rất nhiều người. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên trước khi vào trường nghĩ rằng tốt nghiệp tại ĐH SPKT TP HCM vừa nhận được chứng chỉ sư phạm bên cạnh bằng tốt nghiệp đại học là 59.5%, thấp hơn tỷ lệ đồng ý Nhà trường có các ngành đào tạo về sư phạm hoặc trong chương trình học có các môn học liên quan đến sư phạm. Kết quả này có thể suy luận một số sinh viên nghĩ rằng các môn học về sư phạm được ghi nhận như là một phần trong chương trình đào tạo kỹ sư, không phải cấp chứng chỉ riêng. Khi quyết định học tại trường, có đến 51.2% sinh viên nghĩ rằng sẽ có thêm cơ hội đi dạy. Như vậy, số liệu cho thấy, vẫn còn khá nhiều sinh viên đang theo học tại trường ĐH SPKT TP HCM vẫn kỳ vọng sẽ có thêm cơ hội đi dạy khi quyết định học tại trường.

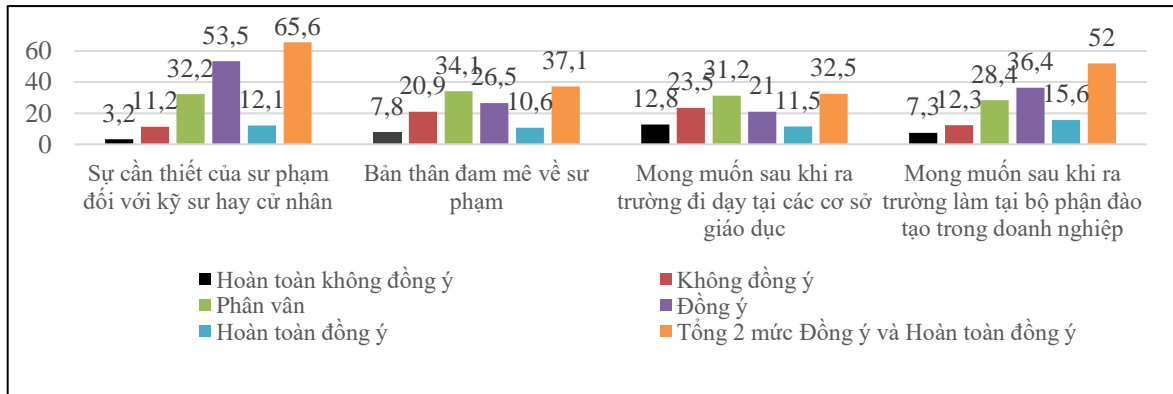
Thứ 2: Quan điểm sự cần thiết, đam mê sư phạm, mong muốn về cơ hội việc làm có liên quan đến sư phạm

Số liệu thống kê của Hình 2. cho thấy:

- Nhận thức về sự cần thiết của lĩnh vực sư phạm đối với kỹ sư hay cử nhân. 65 % sinh viên cho rằng sư phạm rất cần thiết và cần thiết đối với cử nhân hay kỹ sư. 32.2% sinh viên đang lưỡng lự không biết thực sự có cần thiết hay không? Chỉ có 14.4% sinh viên nghĩ rằng sư phạm không cần thiết hoặc hoàn toàn không cần thiết cho công việc và cho cuộc sống.
- Tỷ lệ sinh viên có đam mê về sư phạm ở mức Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý có thấp hơn tỷ lệ lựa chọn các mức còn lại, song tổng cộng có 37.1% sinh viên lựa chọn 2 mức này, trong đó có 25.6% sinh viên đang học tại trường có đam mê về sư phạm và 10.6% rất đam mê về sư phạm. Nếu tính theo chỉ

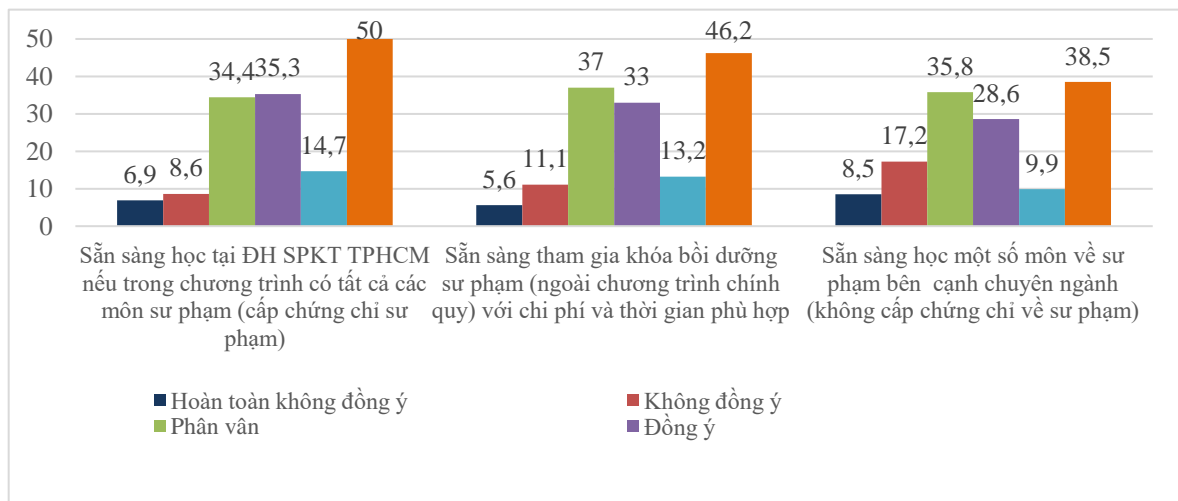
tiêu tuyển sinh hàng năm, 37.1%/năm cũng lên đến trên 2000 sinh viên. Thiết nghĩ nếu có cơ hội học sư phạm những sinh viên này có lẽ sẽ sẵn sàng đăng ký học để thỏa mãn niềm đam mê của bản thân.

- Tỷ lệ sinh viên mong muốn và rất mong muốn ra trường đi dạy tại các cơ sở giáo dục là 32.5% tuy có thấp hơn so với tỷ lệ sinh viên có đam mê về sư phạm khoảng 4.6% nhưng vẫn là con số khá lớn so với tổng sinh viên đang theo học tại Trường. Một cơ hội khác cho sinh viên đi làm nhưng vẫn sử dụng kiến thức về sư phạm đó là tham gia vào bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp. Hiện có đến 52% sinh viên mong muốn và rất mong muốn làm việc tại vị trí đào tạo trong công ty. Theo tính toán, có khoảng gần 15% số sinh viên mặc dù không có đam mê về sư phạm nhưng vẫn có mong muốn là sau này tham gia hoạt động đào tạo tại doanh nghiệp.



Hình 2. Tỷ lệ sinh viên đánh giá sự cần thiết của sư phạm, đam mê sư phạm, mong muốn về chương trình đào tạo và cơ hội việc làm có liên quan đến sư phạm

Như vậy, dựa trên số liệu ở Hình 3. và những phân tích đã đề cập, có thể thấy rằng một bộ phận không nhỏ sinh viên, ít nhất trên 30% đến khoảng 50% sinh viên đang học tại trường, có mong muốn được học sư phạm để thỏa mãn đam mê hay phục vụ cho công việc sau này.



Thứ 3: Sự sẵn sàng của sinh viên về việc học các chương trình có liên quan đến sư phạm

Hình 3. Tỷ lệ sự sẵn sàng của sinh viên về việc học các chương trình có liên quan đến sư phạm

Để tìm hiểu rõ hơn về tỷ lệ sinh viên đam mê, có mục tiêu học sư phạm nhưng có sẵn sàng học những những nội dung liên quan đến sư phạm không, nghiên cứu tìm hiểu về sự sẵn sàng tham gia các chương trình, loại hình, nội dung đào tạo sư phạm khác nhau. Kết quả thống kê Hình 3. cho thấy: sinh viên sẵn sàng và rất sẵn sàng tham gia toàn bộ chương trình học để lấy chứng chỉ về sư phạm ở 2 hình thức đào tạo khác nhau gồm chương trình đào tạo đại học chính quy và chương trình bồi dưỡng ngắn hạn có sự khác biệt không lớn. Theo đó, sinh viên sẵn sàng và rất sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy là 50%, cao hơn 3.8% so với mức 46.2 % sinh viên so với hình thức bồi dưỡng, cao hơn tỷ lệ sinh

viên có đam mê về sự phạm (37.1%). Tuy nhiên, nếu không cấp chứng chỉ thì tỉ lệ đồng tình ở mức thấp hơn (38.5%), tỉ lệ này không khác biệt lớn đối với tỉ lệ sinh viên có đam mê về sự phạm. Bên cạnh đó, số liệu còn cho thấy ngoài khoảng 15% sinh viên chưa sẵn sàng học sự phạm ở bất kỳ hình thức nào thì có khoảng 34% đến 37% sinh viên đang phân vân chưa biết có nên học hay không nên học sự phạm để được cấp chứng chỉ về sự phạm. Nếu sinh viên học mà không được cấp chứng chỉ sự phạm thì tỉ lệ này phân vân và không đồng ý và hoàn toàn không đồng ý tham gia với tỉ lệ lần lượt là 35.8, 17.2 và 8.5, xu hướng cao hơn nên được cấp chứng chỉ.

Như vậy, kết quả thống kê Hình 3. và phân tích cho thấy ít nhất cũng hơn 45% sinh viên sẵn sàng và rất sẵn sàng học cả chương trình sự phạm và các môn liên quan đến sự phạm nếu được cấp chứng chỉ, còn nếu như không được cấp chứng chỉ thì con số này là 38.5%.

Thứ 4: Sự khác biệt giữa thời gian sinh viên học, hệ đào tạo với sự sẵn sàng học sự phạm và đam mê học sự phạm của sinh viên

Bảng 3. Kết quả giá trị Sig. trong phân tích ANOVA về sự khác biệt giữa thời gian sinh viên học, hệ đào tạo với sự sẵn sàng học sự phạm và đam mê học sự phạm của sinh viên

TT	Nội dung	Sig	
		Năm học (1)	Hệ đào tạo (2)
1	Sẵn sàng học tại trường ĐH SPKT nếu trong chương trình đào tạo chính quy có khoảng 25 tín chỉ về sự phạm.	.804	.153
2	Sẵn sàng tham gia khóa bồi dưỡng sự phạm (khoảng 25 tín chỉ) với chi phí và thời gian phù hợp để được cấp chứng chỉ sự phạm.	.910	.347
3	Bản thân đam mê về lĩnh vực sự phạm, giáo dục, dạy học.	.729	.128

Kết quả giá trị Sig. trong phân tích ANOVA (cột (1) và (2) Bảng 3.) giữa 2 biến năm học và giới tính với các biến sẵn sàng học sự phạm trong chương trình chính quy, chương trình bồi dưỡng sự phạm và sự đam mê của bản thân về lĩnh vực sự phạm đều > 0.05 . Giá trị này có thể suy luận không có sự thay đổi về sự đam mê cũng như việc sẵn sàng học sự phạm của sinh viên qua các năm học và các hệ đào tạo. Như vậy, nếu sinh viên đã có sự đam mê hay sẵn sàng học sự phạm thì có thể đã hình thành trong tư tưởng của sinh viên từ năm thứ 2 hoặc thậm chí là năm nhất (thời điểm khảo sát chưa có sinh viên năm nhất) cho đến hết thời gian là sinh viên và sự đam mê sự phạm này cũng không phụ thuộc vào hệ đào tạo mà sinh viên đang học.

Thứ 5: Sự khác biệt giữa sự đam mê về sự phạm với sự sẵn sàng học sự phạm trong chương trình chính quy, sự sẵn sàng học sự phạm theo chương trình bồi dưỡng, có mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục, có mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường

Bảng 4. Kết quả giá trị Sig. trong phân tích ANOVA về sự khác biệt giữa sự đam mê về sự phạm với sự sẵn sàng học sự phạm trong chương trình chính quy, sự sẵn sàng học sự phạm theo chương trình bồi dưỡng, có mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục, có mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường

TT	Nội dung	Sig.
1	Sẵn sàng học tại trường ĐH SPKT nếu trong chương trình đào tạo chính quy có khoảng 25 tín chỉ về sự phạm.	.00
2	Sẵn sàng tham gia khóa bồi dưỡng sự phạm (khoảng 25 tín chỉ) với chi phí và thời gian phù hợp để được cấp chứng chỉ sự phạm.	.00
3	Có đặt mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục sau khi ra trường	.00
4	Có đặt mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường.	.00

Tất cả các giá trị Sig. trong Bảng 4. đều là $.00 < 0.05$, có thể suy luận có sự khác biệt giữa sự đam mê về sự phạm của sinh viên đối với:

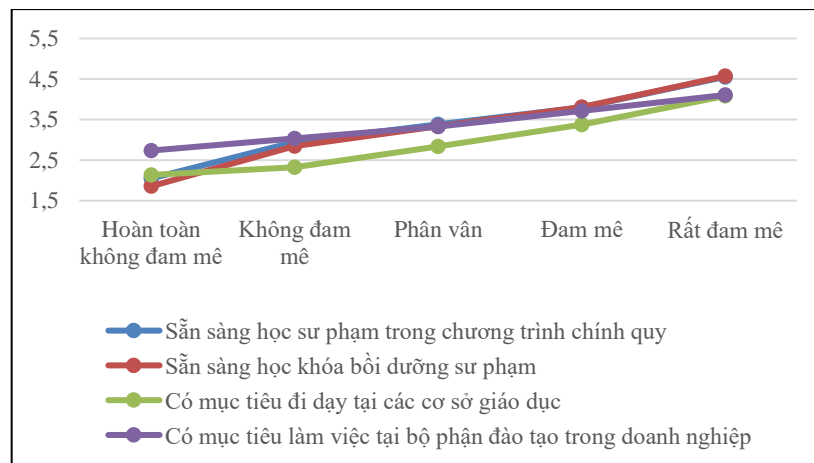
- Sự sẵn sàng học tại trường ĐH SPKT TP. HCM nếu trong chương trình đào tạo chính quy có khoảng 25 tín chỉ về sự phạm;

- Sẵn sàng tham gia khóa bồi dưỡng sư phạm (khoảng 25 tín chỉ) với chi phí và thời gian phù hợp để được cấp chứng chỉ sư phạm;
- Việc sinh viên có đặt mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục sau khi ra trường;
- Việc sinh viên có đặt mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường.

Sự khác biệt giữa sự đam mê về sư phạm với các nội dung trên theo xu hướng của Hình 4. Cụ thể, sinh viên có đam mê và rất đam mê về sư phạm càng cao thì mức độ sẵn sàng học sư phạm cả trong chương trình chính quy lẫn chương trình bồi dưỡng sư phạm càng cao và ngược lại sinh viên có sự đam mê sư phạm càng thấp thì mức độ sẵn sàng học chương trình sư phạm càng thấp. Tương tự như xu hướng này, sinh viên có đam mê và rất đam mê về sư phạm càng cao thì mức độ đặt mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục hoặc làm việc tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường càng cao và ngược lại.

Ngoài ra, nếu xét riêng với nhóm sinh viên có đam mê và rất đam mê về sư phạm (Hình 4.), còn cho thấy:

- Mức độ sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy và chương trình bồi dưỡng sư phạm gần như không có sự khác biệt.
- Sinh viên có đặt mục tiêu sau khi ra trường làm việc tại các cơ sở giáo dục ở mức thấp hơn sinh viên có đặt mục tiêu ra trường làm việc tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp.
- Mức độ sinh viên sẵn sàng học sư phạm cao hơn mức độ mong muốn ra trường làm trong lĩnh vực sư phạm tại các cơ sở giáo dục cũng như tại bộ phận đào tạo trong các doanh nghiệp.



Hình 4. Sự khác biệt giữa mức độ đam mê về sư phạm với sự sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy và sẵn sàng học chương trình bồi dưỡng

3.2. Thảo luận

Các nội dung khảo sát về quan điểm của sinh viên về vấn đề sư phạm mặc dù chưa dựa trên cơ sở lý thuyết chặt chẽ mà phần lớn dựa trên mục đích nghiên cứu kết hợp với những mong muốn mà nhóm nghiên cứu muốn làm rõ. Kết quả nghiên cứu có lẽ cũng chưa trọn vẹn hết về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực sư phạm trong Nhà trường. Tuy nhiên, cũng phản ánh được một khía cạnh liên quan đến nhận thức, nhu cầu, mong muốn của sinh viên về vấn đề này.

Từ kết quả nghiên cứu có thể nhận thấy có sự khác nhau về nhận thức của sinh viên liên quan đến các vấn đề liên quan sư phạm, sự đam mê sư phạm, mong muốn về chương trình đào tạo và cơ hội việc làm có liên quan đến sư phạm, sự sẵn sàng tham gia cá khóa học về học sư phạm. Tuy nhiên, có thể nhận thấy khi đề cập đến tên trường thì tỉ lệ sinh viên nghĩ rằng sẽ được học các nội dung liên quan đến sư phạm lên đến hơn 80%, nhưng khi quyết định học tại trường thì tỉ lệ này có giảm, song vẫn hơn 50% sinh viên lựa chọn trường ĐH SPKT TP HCM vì có thêm cơ hội đi dạy. Trong số những sinh viên đang theo học các ngành kỹ thuật hay khối ngành khác cũng có 37.1% sinh viên có đam mê hoặc rất đam mê về lĩnh vực sư phạm, những sinh viên này sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy hoặc bồi

dưỡng. Ngoài ra, cũng có ít nhất trên 1/3 số sinh viên, đặc biệt là sinh viên có đam mê và rất đam mê về sư phạm, đặt mục tiêu ra trường để đi dạy hoặc làm việc với vai trò đào tạo tại các doanh nghiệp và sẵn sàng học các chương trình hoặc nội dung liên quan đến sư phạm để có được chứng chỉ sư phạm hoặc thậm chí không cần chứng chỉ về sư phạm. Kết quả nghiên cứu còn cho thấy nhu cầu học về sư phạm không phải dằn trải cho tất cả sinh viên đang học tại trường, nhưng chỉ ít cũng có trên 35% sinh viên, đặc biệt là sinh viên có đam mê về sư phạm có mong muốn này. Sự đam mê về sư phạm đã hình thành khi sinh viên mới vào trường và hầu như không thay đổi theo thời gian học, cũng không khác biệt giữa các hệ đào tạo đại trà, chất lượng cao và quốc tế.

Với tất cả những phân tích trên, nhóm nghiên cứu rất mong muốn Viện Sư phạm Kỹ thuật cùng Nhà trường, kết hợp với các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật trên cả nước và các bộ phận liên quan cùng nhau trao đổi, thảo luận để tìm ra thêm những nguyên nhân cốt lõi của vấn đề từ đó đề xuất giải pháp tối ưu nhất để trường ĐH SPKT TP. HCM nói riêng và các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật khác tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên kỹ thuật cho các cơ sở đào tạo, và nhân lực liên quan đến việc đào tạo tại doanh nghiệp. Xu hướng của việc đào tạo có thể sẽ không như truyền thống nữa mà phải nghiên cứu theo xu hướng thích ứng với bối cảnh mới với mục đích chính là để lĩnh vực sư phạm phát triển cùng với sự phát triển chung của các hệ đào tạo, ngành nghề khác trong Nhà trường.

4. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu về quan điểm của sinh viên trường ĐH SPKT TP HCM được thiết lập nhằm tìm hiểu 5 nội dung chính: (1) Nhận thức về lĩnh vực sư phạm của Nhà trường trước khi đăng ký học và khi quyết định học; (2) Sự cần thiết của sư phạm, đam mê sư phạm, mong muốn về chương trình đào tạo và cơ hội việc làm có liên quan đến sư phạm; (3) Sự sẵn sàng học chương trình sư phạm hoặc các nội dung liên quan đến sư phạm của sinh viên; (4) Sự khác biệt giữa thời gian sinh viên học, hệ đào tạo với sự sẵn sàng học sư phạm và đam mê học sư phạm của sinh viên; (5) Sự khác biệt giữa sự đam mê về sư phạm với sự sẵn sàng học sư phạm trong chương trình chính quy, sự sẵn sàng học sư phạm theo chương trình bồi dưỡng, có mục tiêu đi dạy tại các cơ sở giáo dục, có mục tiêu làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp sau khi ra trường. Kết quả phân tích ý kiến khảo sát từ 1.601 sinh viên đang học tại trường cho thấy hầu hết sinh viên trước khi vào trường cho rằng chương trình đào tạo của trường ĐH SPKT TP HCM sẽ có các môn về sư phạm hay có các ngành đào tạo sư phạm. Hơn 1/2 sinh viên cho rằng khi học tại trường sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ sư phạm bên cạnh bằng đại học và có cơ hội đi dạy. Lĩnh vực sư phạm cần thiết đến rất cần thiết cho khoảng hơn 60% sinh viên đang học tại trường. Ít nhất cũng hơn 35% sinh viên đang học tại trường có đam mê và rất đam mê về sư phạm. Những sinh viên này có mong muốn được học chương trình sư phạm và có dự định ra trường đi dạy tại các cơ sở giáo dục hoặc làm tại bộ phận đào tạo trong doanh nghiệp. Sinh viên mong muốn học sư phạm tại trường đặc biệt là chương trình chính quy có cấp chứng chỉ sư phạm cao hơn tỉ lệ sinh viên mong muốn học chương trình bồi dưỡng riêng hoặc học một số môn sư phạm mà không được cấp chứng chỉ. Ngoài ra, nghiên cứu cũng phát hiện ra việc đam mê hay sẵn sàng học sư phạm không có sự thay đổi qua các năm học hay hệ đào tạo đại trà, chất lượng cao và quốc tế.

Từ các kết quả trên nhận thấy nhu cầu về học sư phạm của sinh viên vẫn còn, vì vậy, nếu việc đào tạo sư phạm hoàn toàn bị loại bỏ khỏi chương trình chính quy thì không chỉ không đáp ứng được mong muốn của phần lớn sinh viên và sẽ mất đi một nhiệm vụ đào tạo giáo viên kỹ thuật hay những người kỹ sư am hiểu về sư phạm. Do đó, để lĩnh vực sư phạm vẫn tồn tại và phát triển cùng với sự phát triển của Nhà trường, nhóm nghiên cứu có đề xuất sau:

Viện Sư phạm Kỹ thuật cùng Nhà trường, kết hợp với các trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật trên cả nước và các bộ phận liên quan cùng nhau trao đổi, thảo luận để tìm ra nguyên nhân cốt lõi của vấn đề từ đó đề xuất giải pháp tối ưu nhất theo một số khuyến nghị được ưu tiên theo thứ tự sau:

- Bộ Giáo dục và đào tạo nghiên cứu, xem xét cấp mã ngành đào tạo cấp 4 liên quan đến sư phạm kỹ thuật, xây dựng định hướng rõ ràng cũng như những quy định liên quan đến việc đào tạo về giáo viên sư phạm kỹ thuật để đáp ứng nhu cầu của một bộ phận không ít sinh viên có đam mê và rất đam mê về sư phạm.
- Đề xuất mở thêm các ngành về đào tạo sư phạm bên cạnh các ngành đào tạo của Nhà trường.

- Đưa thêm một số môn học liên quan đến sư phạm đặc biệt là liên quan đến các nội dung đào tạo trong doanh nghiệp vào chương trình đào tạo đại học chính quy dưới dạng bắt buộc hoặc tự chọn để sinh viên có nhiều cơ hội để tiếp cận về lĩnh vực sư phạm.
- Tăng cường thông tin về chương trình, các lớp bồi dưỡng sư phạm đến sinh viên để sinh viên có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận chương trình sư phạm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ho Chi Minh City University of Technology, "60 years of construction, affirmation, and development." Internal document.
- [2] Some aspects of the history of Ho Chi Minh City University of Technology. <https://hcmute.edu.vn/ArticleId/c9638f08-edf8-4300-b4b6-a40eba9ca9e5/qua-trinh-phet-trien>. Accessed Sep. 20, 2022.
- [3] I. Ajzen, "The theory of planned behavior," *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, vol. 50, no. 1, pp. 179–211, 1991.
- [4] I. Ajzen and M. Fishbein, "Understanding attitude and predicting social behavior." Prentice Hall, Englewood Cliffs, NJ, 1980.
- [5] P.T.T. Uyen and P.H. Long, "Application of the theory of planned behavior in the study of green hotel choice by tourists in Da Nang city." *Journal of Science - Hue University: Economics and Development*, ISSN: 2588-1205; eISSN: 2615-9716, vol. 129, no. 5C, pp. 81–95, 2020.



Dang Thi Dieu Hien. Born in 1978, Dong Thap province, Vietnam. Received the B.S. degree in Garment Technology from Ho Chi Minh City University of Technology and Education (HCMUTE), Vietnam, in 2000. She got a B.A. degree in English from University of Social Sciences and Humanities, Vietnam. She M.A. degree in Education from HCMUTE, in 2008 and Ph.D. degree in Education in 2022, at HCMUTE.

She had four years experiences in working as a technician in the garment industry. From 2004 – 2018, she was a lecturer and became a senior lecturer since 2018 up to now at Institute of Technical Education, HCMUTE, Vietnam. She is interesting in researching in education fields such as: student's core competencies, learning and teaching methodologies, assessment. Her book were published: *Planning skill*, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2016.



Bui Thi Bich. Born in 1975, Quang Yen province, Quang Ninh, Vietnam. Received the B.A. degree in Psychology from HCMC University of Education, Ho Chi Minh City, Vietnam, in 2001 and M.A. degree in Psychology from HCMC University of Education, Ho Chi Minh City, Vietnam, in 2008.

Her books were published: *Psychology's point of view on over the world*, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2015; *Engineering Psychology*, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2022. From 2003 up to now, she has been lecturer at Institute of Technical Education, HCMUTE.



Nguyen Nhu Khuong. Born in 1982, Binh Duong province, Vietnam. Received the B.A. degree in Psychology and Education from HCMC University of Education, Ho Chi Minh City, Vietnam, in 2004 and M.A. degree in Education from HCMC University of Technology and Education, Ho Chi Minh City, Vietnam, in 2010. Her books were published: *State Administrative Management and Management of Education and Training*, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2014; *80 Questions about State Management of Education and Training*, Vietnam National University. Ho Chi Minh City, 2015.

From 2004 up to now, she has been a lecturer at Institute of Technical Education, HCMUTE.